

TẠO ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY KINH TẾ VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Hoàng Trường Giang*

Tóm tắt

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam đã dần hồi phục và có những tín hiệu tích cực, thì việc xác định những điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế, tìm kiếm động lực mới tạo ra những đột phá cho phát triển kinh tế trong giai đoạn hội nhập kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và quyết định đưa nước ta phát triển nhanh và bền vững cho giai đoạn mới và các năm tiếp theo. Bài viết này nhằm mục tiêu xác định một số điểm nghẽn và đề xuất một số giải pháp tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế Việt Nam giai đoạn tới.

Từ khóa: Tăng trưởng, động lực, điểm nghẽn, kinh tế Việt Nam.

Đặt vấn đề

Kinh tế Việt Nam có một thời gian dài tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào tăng trưởng theo chiều rộng (vốn, lao động và khai thác tài nguyên), ngay cả trong tăng trưởng theo chiều rộng thì sự tăng trưởng của Việt Nam nghiêng nhiều về yếu tố vốn hơn là yếu tố lao động¹. Trong khi đó, vốn nước ta còn thiếu, lao động khá dồi dào, năng suất nhân tố tổng hợp (TFP)² đóng góp không nhiều cho tăng trưởng. Tình trạng này kéo dài trong nhiều năm là nguyên nhân cơ bản làm cho tăng trưởng kinh tế của nước ta thiếu bền vững, chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện. Nhận thức rõ điều này, Đại hội XI của Đảng ta đã xác định “chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững”.

Trong bối cảnh đất nước đã thoát ra khủng hoảng, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế dần hồi phục và

có những tín hiệu tích cực, thì việc xác định những điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế, tìm kiếm động lực mới tạo ra những đột phá cho phát triển kinh tế trong giai đoạn hội nhập kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và quyết định đưa nước ta phát triển nhanh và bền vững cho giai đoạn mới và các năm tiếp theo.

1. Những điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế nhìn từ các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và các yếu tố cơ bản của tăng trưởng GDP

1.1. Các yếu tố cơ bản tác động tới tăng trưởng GDP

Mức độ tăng trưởng nền kinh tế (GDP) phụ thuộc vào 3 yếu tố cơ bản: Vốn, lao động và năng suất nhân tố tổng hợp (TFP). Theo các kết quả nghiên cứu, sự đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng GDP của nước ta qua các giai đoạn 2006-2010, giai đoạn 2011-2014 và ước thực hiện 2015 như sau:

- Trong giai đoạn 2006-2010, đóng góp vào tăng trưởng GDP chủ yếu là vốn với 58%. Trong giai đoạn 2011-2015 đóng góp vào tăng trưởng vốn có giảm nhưng vẫn ở mức cao 51,5%; trong khi đó đóng góp vào tăng trưởng GDP của yếu tố lao động tăng không đáng kể từ 19% lên 23%, đóng góp của TFP tăng từ 23% lên 25,5% và thấp hơn mục tiêu đề ra (mục tiêu đóng góp của TFP trong tăng trưởng GDP là 30% theo Quyết định số 712/QĐ-TTg phê duyệt chương trình quốc gia “nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của DNVN đến năm 2020”). So với các nước trong khu vực và các nước trong thời kỳ phát triển đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP của Việt Nam thấp hơn (Thái Lan là 35%, Philippin là 41%, Indonesia là 43%, Hàn Quốc (giai đoạn 1980-2000) 39,96%, Ấn Độ 40,78%).

* Hoàng Trường Giang, Thạc sĩ, Ban Kinh tế Trung ương.

¹ Tỷ trọng đóng góp của vốn cao gấp 3 lần tỷ trọng đóng góp của yếu tố lao động (dữ liệu bảng 1).

² Khái niệm TFP: “Phần còn lại (trong kết quả sản xuất tăng lên sau khi loại trừ phần đóng góp do yếu tố đầu tư thêm về lao động nhân công, tư bản, tài nguyên...) là hiệu quả tổng hợp không giải thích được bằng sự gia tăng của các yếu tố sản xuất và được xem là kết quả của các yếu tố liên quan đến hiệu suất. Nền kinh tế phát triển càng có hiệu suất thiếu phần còn lại này càng lớn. Trong phương pháp tính toán về sự tăng trưởng, phần còn lại này được gọi là năng suất nhân tố tổng hợp (TFP)”.

Qua đó chúng ta thấy rằng, điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế nước ta chính là sự đóng góp của TFP còn thấp so với tiềm năng, là yếu tố kìm hãm sự phát triển bền vững. Do vậy, trong giai đoạn tới, nước ta cần cải thiện và nâng yếu tố đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP lên từ 35% - 40%.

Vấn đề quan trọng khác là cần cơ cấu lại các ngành kinh tế, chú trọng phát triển ngành thương mại - dịch vụ. Qua số liệu trên cho thấy, tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng GDP của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp; công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ các giai đoạn 2006-2010 và 2011-2015 thay đổi không đáng kể. Tỷ trọng của ngành nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP không cao (khoảng 18-19%) trong khi ngành này đang sử dụng khoảng 47% lao động tính đến 2013³, với năng suất lao động thấp. Một số nước có nền công nghiệp phát triển như Đức, ngành đóng góp nhiều nhất cho GDP và tăng trưởng GDP là ngành thương mại - dịch vụ, đây là ngành phát triển mạnh trong những năm gần đây; trong khi phần lớn diện tích nước Đức dùng cho nông nghiệp, nhưng chỉ có 2-3% dân số Đức làm việc trong ngành này.

Do vậy, muốn nâng cao tăng trưởng GDP, phát triển kinh tế bền vững; trong cơ cấu ngành cần chú trọng nhiều hơn vào 2 ngành đóng góp nhiều trong cơ cấu tăng trưởng GDP là thương mại - dịch vụ và xây dựng - công nghiệp. Trong đó, ngành thương mại - dịch vụ đóng vai trò then chốt. Ngành nông lâm ngư nghiệp chú trọng công nghiệp hóa trong nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đẩy mạnh xuất khẩu.

1.2. Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê và kết quả nghiên cứu của Đại học Kinh tế Quốc dân về tăng trưởng giai đoạn 2011-2014 và dự kiến 2015, các chỉ tiêu vĩ mô bình quân cho giai đoạn 2011-2015 so với giai đoạn 2006-2010 như sau:

- Tổng mức đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 31% GDP. Giai đoạn

2016-2010 khoảng 39,34%, do tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng và động lực tăng trưởng là vốn nên trong giai đoạn quốc tế thuận lợi năm 2006 tăng trưởng GDP là 6,98% thì tổng mức đầu tư toàn xã hội là 38,1% GDP, năm 2007 tăng trưởng GDP là 7,13% thì tổng mức đầu tư toàn xã hội là 42,7% GDP. Như vậy, có thể thấy rằng với mô hình phát triển kinh tế theo chiều rộng và chủ yếu tăng trưởng nhờ vào tăng trưởng vốn, khai thác tài nguyên và lao động, để tăng trưởng GDP khoảng 7% thì tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 35-40%, nếu tăng trưởng GDP khoảng 6% thì tổng vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 31-33%.⁴ Trong bối cảnh trong nước chưa có nhiều chuyển biến mạnh mẽ và tích cực, nhất là chưa xuất hiện động lực tăng trưởng mới từ TFP, hiệu quả của tái cơ cấu kinh tế, cải cách thể chế, thực hiện ba đột phá chiến lược và chuyển đổi mô hình tăng trưởng chưa phát huy tác dụng cho ngay từ bước đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020, đầu tư công đang phải điều chỉnh do nợ công sắp chạm ngưỡng cho phép, thì việc huy động nguồn vốn tư nhân và nguồn vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm cả FDI và FPI) cho đầu tư phát triển sẽ là yếu tố quyết định đến tăng trưởng.

- *Lạm phát*: bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 9%. Như vậy, với ưu tiên kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô có thể kiểm soát ở mức 6-7% cho thời gian tới (nên duy trì ở mức này để tạo đà phát triển), tăng trưởng tín dụng 12-15% để kích thích sản xuất và tiêu dùng, với mức tăng trưởng tín dụng như vậy sẽ đồng thời kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý.

- *Bội chi ngân sách*: Bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 5,1% GDP. Thấp hơn giai đoạn 2006-2010 (5,5%), tỷ lệ bội chi thường xuyên và kéo dài, một số năm gần đây tỷ lệ vay để trả nợ và đảo nợ có xu hướng tăng trong bội chi ngân sách, mặt khác các khoản thu như dầu thô, thu bán tài sản là những nguồn thu hữu hạn làm giảm tính bền vững nguồn thu ngân sách, bội chi ngân sách kéo dài làm cho nền kinh tế

³ Báo cáo của Thủ tướng Chính phủ tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội XIII ngày 21/10/2013.

⁴ Tỷ lệ tổng đầu tư toàn xã hội trên GDP của Việt Nam giai đoạn 1996-2000 là 33,3% GDP tạo sự tăng trưởng GDP là 7%, giai đoạn 2001-2005 là 39,1% GDP tạo sự tăng trưởng GDP là 7,49%. Tỷ lệ này cao hơn nhiều nước trong khu vực và các nước trong giai đoạn phát triển, chỉ thấp hơn Trung Quốc (44,2%), cao hơn nhiều so với Hàn Quốc (29,4%), Thái Lan (26,8%), Indonesia (24,9%), Malaysia (21,9%), Philippin (15,3%), qua các năm tỷ lệ này đều giảm ở hầu hết các nước, khi tăng trưởng vốn hết động lực, các nước chú trọng vào tăng trưởng của lao động và TFP.

phát triển không bền vững trong dài hạn. Trong giai đoạn tới việc giảm tỷ lệ bội chi ngân sách dưới 5% trong khi nhu cầu đầu tư phát triển và trả nợ cao là rất khó khăn, tỷ lệ này cao hơn mức bội chi ngân sách khoảng 4% trong chiến lược nợ công giai đoạn 2016-2020⁵ nhưng cũng bằng các nước của khối EU và cao hơn của Indonesia.⁶

- *Nợ công* giai đoạn 2011-2015: Bình quân ở mức 58,2% GDP, tăng so với giai đoạn 2006-2010 (48%).

- *Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (chỉ số ICOR)* của toàn bộ nền kinh tế giai đoạn 2011-2015 khoảng 6,5 đã có xu hướng giảm thấp hơn giai đoạn 2006-2010 (6,96), nhưng vẫn cao hơn các nước trong khu vực và một số nước trong giai đoạn phát triển⁷. Với ba đột phá chiến lược và tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí, tham nhũng, tập trung phát triển cơ sở hạ tầng hiện đại, nước ta cần phấn đấu đưa chỉ số ICOR chung của nền kinh tế xuống dưới mức 4,5.

2. Một số giải pháp tạo động lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế

Trên cơ sở phân tích các yếu tố tác động đến tăng trưởng GDP, các chỉ tiêu vĩ mô tác động tới tăng trưởng kinh tế, có thể thấy những điểm nghẽn của tăng trưởng kinh tế trong những năm qua. Do vậy, nước ta cần có những giải pháp tạo động lực thúc đẩy kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế.

* *Thứ nhất (về TFP): Tăng TFP lên mức 35%, mục tiêu phấn đấu 40%*

Để đạt được mục tiêu này cần đẩy mạnh cải cách thể chế, tái cơ cấu nền kinh tế, tăng cường xuất khẩu, phát triển và ứng dụng khoa học công

nghệ, đẩy mạnh sáng tạo...

- *Cải cách thể chế:* (i) Cần cải cách toàn diện và mạnh mẽ, nhất quán, cắt giảm các thủ tục hành chính hướng tới bằng trung bình của các nước Ascan-6, Ascan-4, tinh giảm bộ máy hành chính, không tăng biên chế, thực hiện bầu trực tiếp chủ tịch UBND cấp xã, huyện⁸; (ii) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc thực hiện đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong thực hiện cơ chế giá và phân bổ nguồn lực, dịch vụ công; đồng thời Nhà nước phải có công cụ điều tiết, chính sách phân phối để bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội, phát triển các loại thị trường, chú trọng phát triển thị trường trong nước.

- *Tái cơ cấu đầu tư:* đưa chỉ số ICOR chung của nền kinh tế về khoảng 4-4,5, đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công; Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch quan trọng, như: quy hoạch không gian phát triển kinh tế - xã hội, không gian hạ tầng và đô thị, sử dụng đất... bảo đảm hiệu quả tổng hợp, tính thống nhất, hệ thống. Quy hoạch phải đi trước một bước⁹, làm cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng vùng kinh tế gắn với liên kết vùng.

- *Cơ cấu lại nền kinh tế:* (i) tập trung cổ phần hóa DNNN, hình thành cơ quan ngang Bộ thực hiện thống nhất chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại DNNN, khuyến khích và tạo động lực để phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, giải quyết nợ xấu trong lĩnh vực ngân hàng; (ii) đẩy mạnh phát triển ngành thương mại - dịch vụ, coi ngành thương mại và dịch vụ là ngành then chốt tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động. Thúc

⁵ Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược nợ công, nợ quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030.

⁶ Theo quy định của khối EU có bội chi ngân sách không vượt quá 3%, nợ công không vượt quá 60% GDP, tuy nhiên thực tế hầu hết các nước trong khối có bội chi ngân sách trên 5%, nợ công khoảng 100%, Indonesia bội chi ngân sách không vượt quá 3% và nợ công không vượt 60% GDP.

⁷ Như Hàn Quốc giai đoạn 1961-1980 là 3,0; của Đài Loan giai đoạn 1961-1980 là 2,7; của Thái Lan giai đoạn 1981-1995 là 4,1; của Trung Quốc giai đoạn 2001-2006 là 4,0.

⁸ Đây là cấp giải quyết các thủ tục hành chính với người dân, việc bầu trực tiếp cấp hành chính này sẽ thay đổi cơ bản việc giải quyết các thủ tục hành chính với người dân, chuyển từ nhà nước quản lý sang nhà nước phục vụ nhân dân.

⁹ Có quy hoạch tốt mới có dự án tốt và khi đó mới có nhà đầu tư tốt, thu hút các nguồn lực xã hội và nguồn vốn đầu tư của Nhà nước đứng nơi, đúng chỗ, phân bổ phù hợp để phát huy hiệu quả cao nhất.

đẩy hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu kết hợp xây dựng thương hiệu quốc gia về các sản phẩm chủ lực của Việt Nam; (iii) trong công nghiệp chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng (năng lượng, cơ khí chế tạo, vật liệu mới,...) và phát triển công nghiệp phụ trợ, viễn thông và công nghệ cao; (iv) Ngành nông lâm ngư nghiệp chú trọng nâng cao giá trị gia tăng, tham gia vào chuỗi giá trị từ khâu đầu vào, sản xuất và phân phối, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển kinh tế biển gắn với gìn giữ chủ quyền biển đảo.

- Hội nhập kinh tế và tăng cường xuất khẩu:

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế. Theo đó, gắn công tác ngoại giao với nhiệm vụ bảo đảm an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và phát triển kinh tế của đất nước. Chủ động, tích cực đàm phán, ký kết gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, tín dụng quốc tế, sở hữu trí tuệ, thuế quan, bảo vệ môi trường... Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thực thi các hiệp định thương mại tự do đang đàm phán, đặc biệt là Hiệp định TPP, Hiệp định Việt Nam - EU; liên minh hải quan Belarus, Nga. Các cơ chế chương trình hành động, kế hoạch thực hiện các cam kết quốc tế và tận dụng các cơ hội hội nhập để tranh thủ các nguồn lực bên ngoài và mở rộng thị trường. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015. Hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp phù hợp với pháp luật quốc tế.

Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là động lực cho sự tăng trưởng trong giai đoạn này: nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm để tham gia hiệu quả phân công lao động và liên kết chuỗi giá trị toàn cầu. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo kinh tế trong nước và toàn cầu để kịp thời điều chỉnh chính sách, chiến lược và ngăn ngừa rủi ro từ bên ngoài. Xây dựng thương hiệu quốc gia những mặt hàng xuất khẩu chủ lực có giá trị gia tăng cao, tăng nguồn thu ngoại tệ đảm bảo cân đối ngoại hối.

- Phát triển khoa học và công nghệ: Huy động mạnh mẽ nguồn vốn xã hội và vốn nước ngoài cho phát triển khoa học công nghệ. Khuyến

khích tư nhân thành lập hoặc liên kết với nhà nước thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm đối với các hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ cao. Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp trong nước phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Gắn thu hút nguồn vốn FDI với phát triển khoa học công nghệ để có công nghệ nguồn và công nghệ mới.

** Thứ hai (về vốn): tăng huy động tổng đầu tư toàn xã hội cho phát triển trong khoảng từ 35% đến 40% chủ yếu là huy động nguồn vốn tư nhân tham gia vào đầu tư tạo động lực mới cho phát triển kinh tế và thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI, FPI) một cách có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ mới, công nghệ nguồn và phát triển công nghiệp phụ trợ trong nước, liên kết với các doanh nghiệp trong nước và phát triển thị trường chứng khoán là kênh huy động vốn chủ yếu của doanh nghiệp sẽ là yếu tố quyết định đến tăng trưởng. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, huy động đầu tư vào ngành thương mại và dịch vụ tạo động lực trong huy động nguồn vốn tư nhân trong nước và phát triển ngành thương mại và dịch vụ, đưa ngành thương mại và dịch vụ đóng góp khoảng 60% vào GDP.*

** Thứ ba (về lao động):* (i) Đổi mới căn bản giáo dục - đào tạo theo hướng hiện đại, phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế, chủ yếu là hội nhập kinh tế quốc tế. (ii) Thực hiện đào tạo theo cơ chế thị trường, bảo đảm quyền tự chủ gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội của các cơ sở đào tạo. Liên kết chặt chẽ giữa cơ sở sử dụng lao động và cơ sở đào tạo. (iii) Thu hút nhân tài đặc biệt nguồn nhân tài được đào tạo từ nước ngoài để phát triển đất nước (iv) chuyển dịch cơ cấu lao động từ năng suất lao động thấp sang năng suất lao động cao đặc biệt chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang thương mại - dịch vụ.

** Thứ tư:* Quản lý các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô để duy trì ổn định và tạo đà tăng trưởng như: quản lý nợ công, kỷ luật ngân sách, giảm bội chi ngân sách, kiềm chế lạm phát, Tóm lại: Để cải thiện tốc độ tăng trưởng và chất lượng của nền

nền kinh tế, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế vừa dựa vào tăng trưởng bằng vốn vừa thúc đẩy tăng trưởng từ yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP); huy động vốn khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài cho tăng trưởng kinh tế; đổi mới giáo dục và thu hút nhân tài, chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang thương mại - dịch vụ; chú trọng nâng cao giá trị xuất khẩu nông ngư nghiệp; kiểm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô; giảm bội chi ngân sách; quản lý chặt chẽ nợ công; củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững trật tự an ninh xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công cuộc chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giữ môi trường ổn định về chính trị tạo

thuận lợi để tăng trưởng kinh tế tạo tiền đề và nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ cho giai đoạn 2020 - 2030./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ Việt Nam, 2013. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIII ngày 21/10/2013.
- Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 2014. Một số số liệu tổng hợp của nhóm nghiên cứu KTXH.
- Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. 2012. Nâng cao tỷ trọng và tác dụng của năng suất lao động tổng hợp.
- Viện Quản lý kinh tế Trung ương và Viện Friedrich Ebert Stiftung (Đức), 2012. Thay đổi mô hình tăng trưởng Việt Nam của số 6-2012.